TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HS-ST
Ngày: 29/6/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Y Dhiễu Hmok**
2. Ông **Nguyễn Phỉ Đính**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hoàng Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Hoà** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2026/TLST-HS ngày 11/05/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2026/QĐXXST-HS ngày 14/05/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Đoàn Thanh T**; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/02/2001, tại tỉnh Đ; Nơi cư trú: Tổ dân phố A 8, phường B, tỉnh Đ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Công giáo; Trình độ học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Đoàn Thanh B, sinh năm 1971 và bà Bạch Thị Ngọc H, sinh năm 1972; Anh chị em ruột: Bị cáo có 04 anh chị em ruột, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 05/3/2026 đến nay tại phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1966

Trú tại: Thôn 1, xã E, tỉnh Đ; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Đoàn Văn T1, sinh năm 2001

Trú tại: Thôn 1, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

+ Chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 2001

Trú tại: Thôn 1, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Đoàn Thanh T và Đoàn Văn T, cùng sinh năm 2001, trú tại thôn 1A, xã E, tỉnh Đ là bạn bè chơi với nhau. T biết được việc T1 có cầm cố xe mô tô tại tiệm cầm đồ, do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định lừa ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1966, trú tại thôn 1A, xã E, tỉnh Đ (là bố của T1, do T và T1 trước đây đi nghĩa vụ quân sự cùng đơn vị nên hay đến nhà chơi và có số điện thoại của ông Th) để lấy tiền. Ngày 11/4/2025, T gọi điện cho ông Th với lý do *"T1 đang nợ tiền bên ngoài nên phải cầm cố xe mô tô của T1, vì sợ không dám nói cho gia đình biết nên nhờ T nói giúp"*. Do T1 đi làm thuê ở phường Buôn Hồ, không liên lạc được (Đầu năm 2025, T1 đi làm không về nhà mà thường xuyên ở lại nhà của T), nên ông Th tin là thật nên đã dùng số tài khoản 10387897xxxx Ngân hàng VietinBank chuyển 6.000.000 đồng cho T qua số tài khoản 091732xxxx Ngân hàng VietinBank của chị Lê Thị Hồng D, sinh năm 2001, (là bạn của T, T mượn tài khoản để nhận tiền gửi), sau đó T đến tìm chị D để lấy tiền. Ngày 15/4/2025, T tiếp tục gọi điện thoại cho ông Th nói *"Tưởng đang mượn tiền ngoài xã hội 15.000.000 đồng và phải trả 2.000.000 đồng tiền lãi, do T1 sợ nên không dám nói chuyện này với ông Th nên nhờ T nói giúp và nói ông Th chuyển tiền cho T để T đưa cho T1"* nên ông Th đã chuyển vào số tài khoản của chị D số tiền 17.000.000 đồng, sau đó T đến tìm chị D để lấy tiền. Khoảng 02 tuần sau, trong một lần T đến phường B, do điện thoại bị hư nên mang đến một tiệm điện thoại ở phường B để sửa (T không nhớ tên tuổi và địa chỉ của chủ tiệm điện thoại), T gọi điện thoại cho ông Th nói *"điện thoại của T1 đang bị hỏng phải sửa"* nên ông Th đã chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào số tài khoản của chủ tiệm điện thoại (Do không có tiền trong tài khoản nên ông Th ra quán nước gần nhà nhờ một người khách không xác định được nhân thân lai lịch chuyển tiền vào tài khoản của chủ tiệm sửa điện thoại). Tổng số tiền Đoàn Thanh T chiếm đoạt của ông Đoàn Văn Th là 24.000.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng: Đối với số thuê bao và điện thoại di động bị cáo T sử dụng để phạm tội, T đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thanh T đã bồi thường cho bị hại Đoàn Văn Th số tiền 24.000.000 đồng, ông Th đã viết đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số: 14/CT-VKS ngày 08/05/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Đoàn Thanh T về tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đoàn Thanh T thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Đắk Lắk sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi của bị cáo, các chứng cứ buộc tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và giữ nguyên toàn bộ nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1, Điều 52; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Đoàn Thanh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 02 năm đến 3 năm kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đoàn Thanh T cho Uỷ ban nhân dân phường B, tỉnh Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Đối với số thuê bao và điện thoại di động bị cáo T sử dụng để phạm tội, T đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được để xử lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thanh T đã bồi thường cho bị hại Đoàn Văn Th số tiền 24.000.000 đồng, ông Th đã viết đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Bị cáo Đoàn Thanh T không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản xác định lại hiện trường, biên bản khám nghiệm hiện trường, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 11/4/2025, bị cáo Đoàn Thanh T do cần tiền để tiêu xài cá nhân nên đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của ông Đoàn Văn Th số tiền 6.000.000 đồng, cũng bằng thủ đoạn trên ngày 15/4/2025 chiếm đoạt số tiền 17.000.000 đồng và khoảng 02 tuần sau bị cáo tiếp tục chiếm đoạt số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo T chiếm đoạt của ông Đoàn Văn Th là 24.000.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã phạm tội *Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự, quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:"

[3]. Đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ảnh hưởng đến trật tự an ninh tại địa phương, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt của người khác, xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; Sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục bồi thường thiệt hại thoả đáng cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo đang mắc bệnh tim, phải đặt máy trợ tim vĩnh viễn, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng để giảm một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo.

[6]. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội, cũng như xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị thấy rằng bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nhưng các lần phạm tội đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đang mắc bệnh tim, phải đặt máy trợ tim vĩnh viễn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, nhằm tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội được tiếp tục rèn luyện và tu dưỡng về đạo đức, lối sống để trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Xét mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8- Đắk Lắk là phù hợp và có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với số thuê bao và điện thoại di động bị cáo T sử dụng để phạm tội, T đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không xử lý theo quy định.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thanh T đã bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn Th số tiền 24.000.000 đồng, ông Th đã viết đơn bãi nại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không đề cập giải quyết.

[9]. Đối với chị Lê Thị Hồng D, không biết số tiền bị cáo Đoàn Thanh T chuyển vào tài khoản ngân hàng của mình là do bị cáo T phạm tội mà có, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không đề cập để xử lý là có căn cứ.

Đối với người đàn ông là chủ tiệm sửa điện thoại cho bị cáo T ở phường B, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không đề cập xử lý.

[10]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đoàn Thanh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Đoàn Thanh T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Xử phạt **ĐOÀN THANH T: 01** (Một) năm **06** (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (Ba) năm kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Đoàn Thanh T cho Uỷ ban nhân dân phường B, tỉnh Đ giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo theo quy định tại khoản 5 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

2. Các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Đối với số thuê bao và điện thoại di động bị cáo T sử dụng để phạm tội, T đã làm mất nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ được nên không xử lý theo quy định.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đoàn Thanh T đã bồi thường cho bị hại ông Đoàn Văn Th số tiền 24.000.000 đồng, ông Th không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đoàn Thanh T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan THAHS;
- VKSND khu vực 8 – Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu HS-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Văn Chinh